

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM  
--- TELVINA ---

NĂM 2016

## MỤC LỤC

|   |           |
|---|-----------|
| <b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....   | <b>4</b>  |
| 1. Thông tin khái quát.....   | 4         |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển.....                                  | 4         |
| 3. Ngành nghề, địa bàn kinh doanh.....                                      | 6         |
| 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..... | 6         |
| 5. Định hướng phát triển.....   | 10        |
| 6. Các rủi ro.....  | 11        |
| <b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....                              | <b>12</b> |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....                             | 12        |
| 2. Tổ chức và nhân sự.....  | 13        |
| 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....                               | 16        |
| 4. Tình hình tài chính.....   | 15        |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....                  | 18        |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....     | 20        |
| <b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....                      | <b>24</b> |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....                      | 24        |
| 2. Tình hình tài chính.....   | 28        |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.....                | 29        |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....                                 | 29        |

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)..... 32

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường và xã hội của Công ty... 32

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... 33**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty ..... 33

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Giám đốc Công ty..... 34

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị ..... 35

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH..... 36**

1. Ý kiến kiểm toán..... 36

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán ..... 36

**Đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán**

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: Telvina Vietnam Telecommunication Joint Stock Company
- Tên viết tắt: TELVINA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 010300682645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 04/01/2005.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 04.38780451 Số fax: 04.38780023
- Website: [www.telvina.vn](http://www.telvina.vn) E-mail: [info@telvina.vn](mailto:info@telvina.vn)
- Mã cổ phiếu: PMT

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

#### - *Quá trình hình thành và phát triển:*

Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (tên viết tắt là TELVINA) có tiền thân là Nhà máy Vật liệu Bưu điện, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập vào ngày 26/3/1970 theo Quyết định số 157/QĐ của Tổng cục Trưởng Tổng cục Bưu điện.



Ngày 26/11/1996, Tổng cục Trưởng Tổng cục Bưu điện ra Quyết định số 429/TCCB-LĐ về việc thành lập lại Nhà máy Vật liệu Bưu điện là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Ngày 21/7/2004, Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông Việt Nam ra Quyết định số 32/2004/QĐ-BBCVT về việc chuyển Nhà máy Vật liệu Bưu điện thành Công ty cổ phần Vật liệu Bưu điện.

Ngày 04/01/2005, Công ty cổ phần Vật liệu Bưu điện chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010300682645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 15/6/2015, Công ty đã chính thức đổi tên từ Công ty cổ phần Vật liệu Bưu điện thành "Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam", đổi tên thương hiệu thành TELVINA.

Khởi đầu hoạt động với tổng số vốn điều lệ là 12,8 tỷ đồng. Đến ngày 01/7/2007 vốn điều lệ được huy động với tổng số vốn điều lệ hiện nay là 50 tỷ đồng. TELVINA đã từng bước phát triển ổn định, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống và phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới viễn thông mới và vươn xa tới các Ngành hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác như Điện, Truyền hình, Hàng hải, Đường sắt, Khai thác mỏ, Ngân hàng...

- *Các mốc sự kiện:*

TELVINA có những bước phát triển sáng tạo, đột phá, đóng góp lớn trong việc cung cấp các sản phẩm phục vụ cho các mạng lưới viễn thông và các ngành khác. TELVINA đã được Nhà nước, Lãnh đạo Bộ Bưu chính Viễn thông, VNPT tặng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý: Huân chương lao động



hạng 3 (năm 2003), Bằng khen của Chính phủ (năm 2004), Cờ thi đua, Bằng khen của Bộ Bưu chính Viễn thông, VNPT (năm 2005, 2006, 2007)...

Các sản phẩm của TELVINA sản xuất ra luôn thỏa mãn các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn Quốc gia và theo các tiêu chuẩn yêu cầu của khách hàng. Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 do tổ chức AFAQ ASCERT cấp Giấy chứng nhận ngày 06/10/2001, sản phẩm cáp của TELVINA được tặng thưởng Huy chương vàng tại Hội chợ Techmart Việt Nam và Huy chương vàng tại Hội chợ Thương mại Quốc tế Expo 2004 cho hai sản phẩm cáp nhập dài và cáp thông tin kim loại thả sông...

Thời điểm giao dịch chính thức của cổ phiếu Công ty trên thị trường UPCoM: Thứ Năm, ngày 22/07/2010.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các loại vật liệu điện, điện tử và viễn thông; Sản xuất các sản phẩm dân dụng; Kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị và hàng hóa; Hoạt động viễn thông có dây; Hoạt động viễn thông không dây; Xây lắp các công trình xây dựng; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống điện, điện tử và viễn thông.
- Sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất: sản phẩm cáp thông tin sợi đồng và cáp thông tin sợi quang các loại.
- Địa bàn kinh doanh trong nước: các Viễn thông tỉnh, thành phố và các công ty thương mại thuộc các ngành Truyền thông, Truyền hình, Điện, Khai thác mỏ, Hàng không, Ngân hàng và Đường sắt... đóng trên địa bàn các tỉnh cả 3 miền Bắc - Trung - Nam.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**



- *Mô hình quản trị công ty bao gồm:* Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, giúp việc Tổng Giám đốc là các Trưởng phòng chức năng và Giám đốc đơn vị sản xuất.
- *Cơ cấu bộ máy quản lý, gồm.*
- + Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.
- + Hội đồng quản trị (HĐQT): HĐQT do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT quyết định chiến lược phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty. Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở nghị quyết của ĐHCĐ về định hướng phát triển Công ty. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và các nghị quyết của ĐHCĐ.
- + Ban Kiểm soát: do ĐHCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.



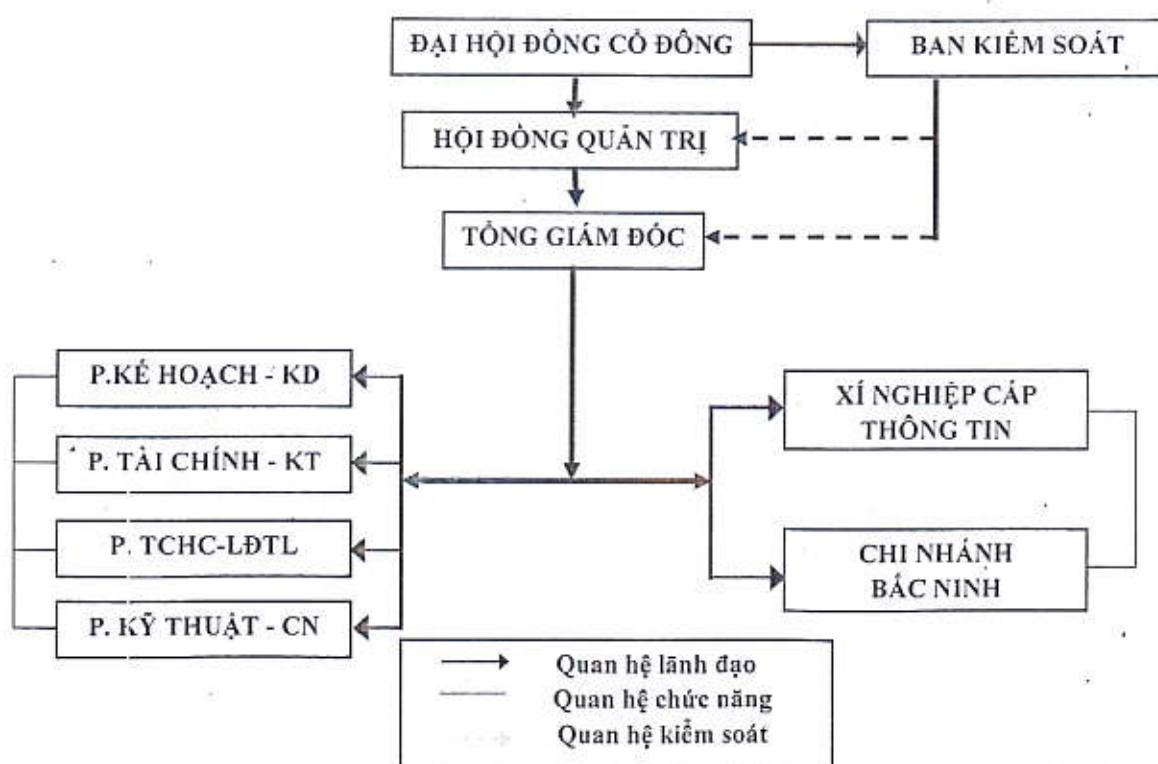
- + Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- + Các phòng ban chức năng:
  - Phòng Tổ chức hành chính - Lao động tiền lương: Thực hiện các công việc trong lĩnh vực: tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh, công tác bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng cán bộ, sử dụng lao động, công tác tiền lương, tiền thưởng, công tác an toàn vệ sinh lao động, công tác chăm sóc bảo vệ sức khoẻ và thực hiện các chính sách, chế độ, pháp luật các nội quy, quy chế đối với toàn thể người lao động trong Công ty; Thực hiện các công việc chăm lo đời sống, tinh thần, vật chất cho người lao động, theo dõi, quản lý đất đai, nhà xưởng thuộc Công ty đang quản lý. Trang bị dụng cụ, phương tiện làm việc cho các đơn vị phòng, ban, xí nghiệp. Tổ chức tốt việc tiếp khách, khánh tiết, hội nghị.
  - Phòng Kỹ thuật - Công nghệ: Có nhiệm vụ quản lý khoa học kỹ thuật, công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, công nghệ nhằm mục tiêu phục vụ tốt cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty; Giám sát, theo dõi, quản lý chất lượng sản phẩm trong toàn Công ty, tiến tới thoả mãn mọi điều kiện của khách hàng; Thành phần của bộ phận nghiên cứu và phát triển trong phòng bao gồm các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật kết hợp với cán bộ kinh doanh, tiếp thị để phối hợp tìm hiểu thị trường sản phẩm và nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới.
  - Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: Thực hiện các công việc trong các lĩnh vực: kinh doanh; xây dựng, triển khai, kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch sản



xuất kinh doanh; Quản lý việc cung ứng và cân đối các loại vật tư, hàng hoá, nguyên nhiên vật liệu trong quá trình sử dụng vật tư để sản xuất.

- Phòng Tài chính - Kế toán: Phụ trách công tác kế toán, tài chính, thống kê và việc sử dụng các nguồn vốn được huy động vào sản xuất kinh doanh, các dịch vụ khác theo Luật Kế toán và các quy định quản lý Tài chính - Kế toán - Thống kê của Nhà nước.
- Xí nghiệp cáp thông tin: Sản xuất các sản phẩm dây, cáp thông tin sợi đồng; các loại sản phẩm dây cáp có đặc thù riêng: Sản xuất cáp tín hiệu điều khiển, cáp điện lực, cáp mô hãm lò, cáp truyền thanh...; Xử lý lại các nguồn phế liệu, phế phẩm.
- Chi nhánh Bắc Ninh - Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam: Chuyên sản xuất sản phẩm chính là cáp sợi quang.

*Sơ đồ cơ cấu tổ chức*



- Các công ty con, công ty liên kết: không có.

## 5. Định hướng phát triển

### - Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- ✓ Tiếp tục tập trung phát triển sản phẩm cốt lõi là dây và cáp của Công ty.
- ✓ Tạo thêm việc làm và đảm bảo thu nhập bình quân theo hướng tăng trưởng cho người lao động.
- ✓ Phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- ✓ Khẳng định thương hiệu TELVINA trên thị trường trong và ngoài nước.

### - Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- ✓ Tiếp tục duy trì ổn định và phát triển sản xuất các sản phẩm truyền thống, các sản phẩm đang còn thị trường.
  - ✓ Đầu tư phát triển các sản phẩm mới theo nhu cầu thị trường.
  - ✓ Đầu tư tăng năng lực sản xuất, cải thiện nâng cao chất lượng sản phẩm.
  - ✓ Tích cực khai thác thị trường trong nước: như Truyền thông, Truyền hình, Điện, Hàng hải, Đường sắt, Khai thác mỏ, Ngân hàng...
  - ✓ Thâm nhập khai thác thị trường xuất khẩu: như thị trường Lào, Myanmar và Cuba...
  - ✓ Liên danh, liên kết để hợp tác kinh doanh.
  - ✓ Phát triển thêm dịch vụ xây lắp, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, bảo trì bảo dưỡng và kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành.
- ### - Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.





- ✓ Công ty luôn cam kết trở thành đối tác đáng tin cậy với tất cả các bên hữu quan, khách hàng, xây dựng và duy trì mối quan hệ tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Mong muốn đóng góp để tăng chất lượng cuộc sống của tất cả người lao động và cộng đồng xung quanh khu vực hoạt động, nỗ lực để tạo nền tảng tốt cho xã hội tương lai.
- ✓ Cam kết tạo ra một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh tại Công ty và khu vực xung quanh. Hướng tới sự phát triển bền vững về mặt kinh tế, môi trường và xã hội.

## 6. Các rủi ro:

- Rủi ro kinh tế: Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt, lạm phát và thất nghiệp được kiểm soát, thu nhập của người dân tăng lên thì nhu cầu đối với sản phẩm công nghệ cao, dịch vụ viễn thông cũng tăng lên, và ngược lại. Theo đánh giá của các chuyên gia, trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục còn chậm, nền kinh tế Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ tình hình chung và sẽ tiếp tục gặp phải không ít khó khăn. Tình hình cạnh tranh trên thị trường thông tin và truyền thông tiếp tục diễn ra gay gắt giữa các nhà mạng. Theo đó sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cùng loại cũng khốc liệt hơn. Như vậy, điều kiện vĩ mô sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rủi ro cạnh tranh: cùng lúc có nhiều đơn vị cùng ngành cung cấp sản phẩm cùng loại đã tạo ra tính cạnh tranh cao; bên cạnh đó đơn hàng có giá trị lớn thì đa số phải tham gia vào các dự án đấu thầu, để đạt được mong muốn trúng thầu thì các nhà cung cấp đua nhau hạ giá sản phẩm, sự cạnh tranh gay gắt đã và đang có ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.



- Rủi ro nguyên vật liệu: Bên cạnh đó là rủi ro đến từ sự biến động của giá nguyên vật liệu đồng, sợi quang, dây thép và nhựa đầu vào. Đặc biệt, khi mà đa phần các nguyên vật liệu này đều phải nhập khẩu từ nước ngoài khiến cho giá cả nguyên vật liệu biến động mạnh khi giá đồng, dầu thô, nhựa trên thế giới có sự thay đổi. Ngoài ra sự khan hiếm nguyên vật liệu cục bộ sẽ xảy ra khi mà nhu cầu tăng mạnh theo từng thời điểm, điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rủi ro khác: Các rủi ro khác như thiên tai, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

| T<br>T | Chỉ tiêu                                    | Đơn vị<br>tính | Thực hiện<br>năm 2014 | Kế hoạch<br>năm 2015 | Thực hiện<br>năm 2015 | So sánh                |              |
|--------|---|----------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|--------------|
|        |   |                |                       |                      |                       | TH/KH<br>%             | N15/14<br>%  |
| 1      | Giá trị tổng sản lượng (không có thuế GTGT) | Triệu đồng     | 79 909                | 86.000               | <b>162.791</b>        | =189,3<br>%            | =203,7<br>%  |
| 2      | Tổng doanh thu thuần                        | Triệu đồng     | 80 937                | 88.050               | <b>176.168</b>        | =200,2<br>%            | =217,6<br>%  |
| 3      | Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước       | Triệu đồng     | 5.141                 | 8.632                | <b>11.974</b>         | =138,7<br>%            | =232,9<br>%  |
| 4      | Lợi nhuận trước thuế                        | Triệu đồng     | -12.999               | 500                  | <b>1.263</b>          | Tăng<br>gấp 2,5<br>lần | Đã có<br>lãi |

|   |                                       |                    |         |     |              |                  |           |
|---|---------------------------------------|--------------------|---------|-----|--------------|------------------|-----------|
| 5 | Lợi nhuận sau thuế                    | Triệu đồng         | -12.999 | 390 | <b>1.263</b> | Tăng gấp 3.2 lần | Đã có lãi |
| 6 | Thu nhập bình quân của người lao động | Tr.đ/ người/ tháng | 4,5     | 5,0 | <b>8,5</b>   | =170%            | =188.8 %  |

## 2. Tổ chức và nhân sự

### - Danh sách Ban điều hành:

| STT | Họ và tên           | Ngày sinh  | Số CMND   | Chức vụ        | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------|-----------|----------------|---------|
| 1   | Ông Tô Chí Thành    | 19/5/1971  | 011485570 | Tổng Giám đốc  |         |
| 2   | Bà Nguyễn Thanh Mai | 03/12/1962 | 012756761 | Kế toán trưởng |         |

### - Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành

#### • Chức danh: Tổng Giám đốc

Họ và Tên: Ông Tô Chí Thành

Số CMTND: 011485570 Ngày cấp: 07/03/2008 Nơi cấp: CA Hà Nội

Năm sinh: 19/05/1971

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 0608B2 - Mandarin - Hoàng Minh Giám - Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật học

Quá trình công tác:

+ Từ tháng 01/1993 - tháng 05/2014: công tác tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

+ Từ tháng 06/2014 đến nay: công tác tại Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Số cổ phần đang nắm giữ: Không có

• **Chức danh: Kế toán trưởng:**

Họ và tên: Bà Nguyễn Thanh Mai

Số CMTND: 012756761 Ngày cấp: 29/12/2004 Nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày sinh: 03/12/1962

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê Quán: Hội An - Quảng Nam – Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: SN 12 Tổ 10 - Trường Lâm - Việt Hưng – Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ tháng 12/1984 đến nay: công tác tại Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.





Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng - Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Số cổ phần nắm giữ: 9.727 cổ phần phổ thông

- *Những thay đổi trong ban điều hành:* Không có.

- *Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm:*

+ Số lượng cán bộ: 12 người

+ Số lượng công nhân viên: 110 người

+ Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty đặc biệt chú trọng tới yếu tố con người, đặt người lao động vào vị trí trung tâm trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng nhiều đãi ngộ theo Thỏa ước lao động tập thể như hàng năm được nghỉ mát hè và được Công đoàn Công ty thăm hỏi, động viên thường xuyên.

Công ty luôn quan tâm đến đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo sức khỏe cho người lao động, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và đã dành được sự quan tâm thiết thực của cán bộ công nhân viên trong Công ty, khuyến khích được các cán bộ trẻ nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn, tạo điều kiện phát huy sáng tạo ra các giá trị mới.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả

kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp xử phạt đối với các cán bộ, công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án trong năm 2015

- a) *Các khoản đầu tư lớn:* không có.  
 b) *Các công ty con, công ty liên kết:* không có.

### 4. Tình hình tài chính

- a) *Tình hình tài chính*

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu                                | Năm 2014         | Năm 2015               | % tăng giảm<br>2015/2014 |
|---|------------------|------------------------|--------------------------|
| Tổng giá trị tài sản                    | 114.065.089.453  | <b>133.805.844.247</b> | +17,3                    |
| Tổng doanh thu thuần                    | 80.937.351.440   | <b>176.168.022.111</b> | +117,6                   |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (13.129.323.214) | <b>593.843.045</b>     | Đã có lãi                |
| Lợi nhuận khác                          | 129.480.061      | <b>669.663.096</b>     | +417,2                   |
| Lợi nhuận trước thuế                    | (12.999.843.153) | <b>1.263.506.141</b>   | Đã có lãi                |
| Lợi nhuận sau thuế                      | (12.999.843.153) | <b>1.263.506.141</b>   | Đã có lãi                |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức              | 0                | 0                      |                          |

- b) *Các chỉ tiêu khác*



| T<br>T | Chỉ tiêu                                    | Đơn vị<br>tính           | Thực hiện<br>năm 2014 | Kế hoạch<br>năm 2015 | Thực hiện<br>năm 2015 | So sánh          |           |
|--------|---|--------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|------------------|-----------|
|        |   |                          |                       |                      |                       | TH/KH            | N15/14    |
| 1      | Giá trị tổng sản lượng (không có thuế GTGT) | Triệu đồng               | 79 909                | 86.000               | <b>162.791</b>        | =189,3 %         | =203,7 %  |
| 2      | Tổng doanh thu thuần                        | Triệu đồng               | 80 937                | 88.050               | <b>176.168</b>        | =200,2 %         | =217,6 %  |
| 3      | Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước       | Triệu đồng               | 5.141                 | 8.632                | <b>11.974</b>         | =138,7 %         | =232,9 %  |
| 4      | Lợi nhuận trước thuế                        | Triệu đồng               | -12.999               | 500                  | <b>1.263</b>          | Tăng gấp 2,5 lần | Đã có lãi |
| 5      | Lợi nhuận sau thuế                          | Triệu đồng               | -12.999               | 390                  | <b>1.263</b>          | Tăng gấp 3,2 lần | Đã có lãi |
| 6      | Thu nhập bình quân của người lao động       | Tr.đ/<br>người/<br>tháng | 4,5                   | 5,0                  | <b>8,5</b>            | =170%            | =188,8 %  |

*c) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

| Các chỉ tiêu   | Năm 2014 | Năm 2015 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>                              |          |          |         |
| + Khả năng thanh toán ngắn hạn:<br>TSNH/Nợ ngắn hạn                    | 1,71     | 1,56     |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh:<br><u>TSNH + Hàng tồn kho</u><br>Nợ ngắn hạn | 1,06     | 0,88     |         |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>                                       |          |          |         |



|  |       |       |  |
|--|-------|-------|--|
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản  | 36,65 | 45,05 |  |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu  | 63,34 | 81,99 |  |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                                       |       |       |  |
| + Vòng quay hàng tồn kho:<br><u>Giá vốn hàng bán</u><br>Hàng tồn kho bình quân | 3,07  | 4,24  |  |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản   | 0,79  | 1,3   |  |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>  |       |       |  |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                     | -     | 0,72  |  |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                                      | -     | 1,71  |  |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản  | -     | 0,94  |  |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần                      | -     | 0,72  |  |

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 4.940.000 cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.940.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: không có.
- Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài: không có.



## b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/3/2015:

| STT        | CƠ CẤU CỔ ĐÔNG  | SỐ CỔ<br>PHẦN SỞ<br>HỮU | GIÁ TRỊ<br>(ĐỒNG)     | TỶ<br>LỆ/VĐL<br>(%) |
|------------|---|-------------------------|-----------------------|---------------------|
| <b>I</b>   | <b>Phân theo tỷ lệ sở hữu</b>   |                         |                       |                     |
| 1          | Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% trở lên) - CD Nhà nước (VNPT)                    | 2.490.000               | 24.900.000.000        | 49,8                |
| 2          | Cổ đông nhỏ   | 2.450.000               | 24.500.000.000        | 49,0                |
| 3          | Cổ phiếu quỹ  | 60.000                  | 600.000.000           | 1,2                 |
|            | <b>Tổng cộng</b>  | <b>5.000.000</b>        | <b>50.000.000.000</b> | <b>100%</b>         |
| <b>II</b>  | <b>Phân theo Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân</b>                         |                         |                       |                     |
| 1          | Cổ đông tổ chức   | 2.615.400               | 26.154.000.000        | 52,30               |
| 2          | Cổ đông cá nhân   | 2.324.600               | 23.246.000.000        | 46,50               |
| <b>III</b> | <b>Phân theo cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước</b> |                         |                       |                     |
| 1          | Cổ đông trong nước  | 4.940.000               | 49.400.000.000        | 98,8                |
| 2          | Cổ đông nước ngoài  | 0                       | 0                     |                     |
| 3          | Cổ đông nhà nước (VNPT)   | 2.490.000               | 24.900.000.000        | 49,8                |

*Nguồn dữ liệu thống kê số lượng cổ phần được tập hợp từ danh sách cổ đông sở hữu chứng khoán PMT (ngày đăng ký cuối cùng là 20/3/2015) do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.*

- c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* không có.
- d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* không có.
- e) *Các chứng khoán khác:* không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

*a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:*

| STT       | DIỄN GIẢI                        | ĐVT | TỔNG         |
|-----------|----------------------------------|-----|--------------|
| <b>I</b>  | <b><u>Nguyên vật liệu</u></b>    |     |              |
| 1         | Hạt nhựa các loại                | Kg  | 1 170 225,69 |
| 2         | Dây đồng trần các loại           | Kg  | 46 072,89    |
| 3         | Dầu nhồi các loại                | Kg  | 60 975,00    |
| 4         | Sợi gia cường các loại           | Km  | 14 765,98    |
| 5         | Băng nhôm, P/S, sợi vải các loại | Kg  | 245 806,95   |
| <b>II</b> | <b><u>Bao bì đóng gói</u></b>    |     |              |
| 1         | Bôbin gỗ đóng gói các loại       | Cái | 4 270        |
| 2         | Đai thép                         | Kg  | 3 212,50     |
| 3         | Băng nilon đóng gói              | Kg  | 225,40       |
| 4         | Gudong M14x700                   | Bộ  | 160          |



b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

| STT | Tên vật tư      | ĐVT | Số lượng  |
|-----|-----------------|-----|-----------|
| 1   | Xăng            | Lít | 2 740     |
| 2   | Dầu các loại    | Lít | 2 974     |
| 3   | Ga              | kg  | 88        |
| 4   | Cồn Công nghiệp | Lít | 22        |
| 5   | Điện năng       | Kw  | 1 586 729 |

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Trong năm Công ty đã thực hiện kế hoạch sắp xếp lại mặt bằng và di chuyển thiết bị để thực hiện tiết kiệm điện năng, kết quả trong năm Công ty đã tiết kiệm điện được từ 5-10% so với năm trước.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái chế): Không có.

### 6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn nước sạch từ Công ty cấp thoát nước: 2.512 m<sup>3</sup>.
- Nguồn nước giếng tự khoan khoáng: 3.500 m<sup>3</sup>.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng sản lượng nước được tái chế và tái sử dụng: 50%.



**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- a) *Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không có.
- b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không có.

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) *Số lượng lao động bình quân năm:* 110 người.

- Mức thu nhập bình quân của người lao động: 8.500.000 đồng/người/tháng.

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:*

- Tổ chức huấn luyện công tác ATVSLEĐ phạm vi toàn Công ty định kỳ hằng năm.
- Thực hiện sơ khám và cấp phát thuốc cho người lao động; Định kỳ hằng năm tổ chức khám sức khỏe cho CBCNV toàn Công ty.
- Trang bị bảo hộ lao động định kỳ mỗi năm một lần cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- Đảm bảo đầy đủ và an toàn các trang bị phòng chống cháy nổ.
- Lập và thực hiện tốt phương án phòng chống mưa bão phạm vi toàn Công ty.
- Định kỳ tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát hè.
- Quan tâm thăm hỏi và động viên CBCNV khi ốm đau, hiếu, hi...

c) *Hoạt động đào tạo người lao động:*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm:
  - + Nhân viên khối chức năng: 960 giờ.
  - + Công nhân trực tiếp sản xuất: 3.600 giờ.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:
  - + Đào tạo thi nâng bậc định kỳ hàng năm cho công nhân trực tiếp sản xuất.
  - + Đào tạo kèm cặp bổ sung thêm tay nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất cáp sợi quang.
  - + Đào tạo bổ sung nghề sản xuất cáp sợi quang cho công nhân sản xuất cáp sợi đồng.
  - + Hướng dẫn công nhân vận hành thành thạo các thiết bị sản xuất cáp sợi quang và sợi đồng.
  - + Đào tạo kiến thức về các chuyên môn, nghiệp vụ bán hàng, kế toán, lao động tiền lương, quản lý hành chính, quản lý kỹ thuật - công nghệ sản xuất....

#### **6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có.
- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**





## - Kết quả sản xuất kinh doanh

| T<br>T | Chỉ tiêu                                    | Đơn<br>vị tính           | Thực<br>hiện<br>năm 2014 | Kế hoạch<br>năm 2015 | Thực<br>hiện<br>năm 2015 | So sánh          |                |
|--------|---|--------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|------------------|----------------|
|        |   |                          |                          |                      |                          | TH/<br>KH        | N2015/<br>2014 |
| 1      | Giá trị tổng sản lượng (không có thuế GTGT) | Triệu đồng               | 79 909                   | 86.000               | <b>162.791</b>           | =189,3 %         | =203,7 %       |
| 2      | Tổng doanh thu thuần                        | Triệu đồng               | 80 937                   | 88.050               | <b>176.168</b>           | =200,2 %         | =217,6 %       |
| 3      | Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước       | Triệu đồng               | 5.141                    | 8.632                | <b>11.974</b>            | =138,7 %         | =232,9 %       |
| 4      | Lợi nhuận trước thuế                        | Triệu đồng               | -12.999                  | 500                  | <b>1.263</b>             | Tăng gấp 2,5 lần | Đã có lãi      |
| 5      | Lợi nhuận sau thuế                          | Triệu đồng               | -12.999                  | 390                  | <b>1.263</b>             | Tăng gấp 3,2 lần | Đã có lãi      |
| 6      | Thu nhập bình quân của người lao động       | Tr.đ/<br>người/<br>tháng | 4,5                      | 5,0                  | <b>8,5</b>               | =170%            | =188,8 %       |

Năm 2015, thị trường viễn thông trong nước sôi động do Tập đoàn VNPT đầu tư hạ tầng với 02 đợt đấu thầu lớn. Bên cạnh đó, nhiều nhà khai thác viễn thông khác cũng mở rộng đầu tư cơ sở hạ tầng với cả thị trường trong và ngoài nước.

Nhận được sự quan tâm sâu sắc của Lãnh đạo Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các cơ quan ban ngành liên quan, ngay từ đầu năm 2015 tập thể Lãnh đạo Công ty đã đặt mục tiêu trọng tâm là phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm

2015 thông qua, đồng thời nhận được sự đồng lòng chia sẻ và cùng vượt khó của người lao động trong toàn Công ty, đó là những thuận lợi lớn nhất giúp Công ty hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm 2015, người lao động có việc làm thường xuyên và đời sống được nâng lên rõ rệt.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động, Công ty đã tích cực triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và đồng bộ nhằm đẩy mạnh công tác bán hàng bằng nhiều kênh phân phối và nâng cao năng lực sản xuất, kết quả đạt được là Công ty đã ký được các hợp đồng bán hàng có giá trị bên cạnh các đơn hàng đã trúng thầu gói thầu tập trung của Tập đoàn VNPT, đưa doanh thu của Công ty tăng gấp đôi kế hoạch năm 2015.

Để phù hợp hơn với chiến lược phát triển Công ty, Công ty đã làm thủ tục và chính thức đổi tên từ Công ty cổ phần Vật liệu Bưu điện thành "Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam", đổi tên thương hiệu thành TELVINA kể từ ngày 15/6/2015.

Trong năm, Công ty đã thực hiện kế hoạch sắp xếp lại mặt bằng nhà xưởng, di chuyển thiết bị sản xuất nhằm hợp lý hóa hơn trong quá trình sản xuất của Công ty.

Cùng với việc đẩy mạnh năng suất lao động tăng từ 150-200% so với trước đây, Công ty đã tích cực tìm kiếm nhà thầu phụ để cung cấp đa dạng nguồn nguyên vật liệu, tạo sự cạnh tranh để lựa chọn giá tốt nhất và đẩy mạnh hợp lý hóa tăng hiệu quả sản xuất, cụ thể là Công ty đã tìm thêm nhà cung cấp về nhựa bọc vỏ, sợi quang và dây thép treo.

Về nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, Công ty tích cực tối đa cân đối nguồn tiền để đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn, tích cực làm việc với tổ chức tín dụng để đảm bảo nguồn vốn vay phục vụ kịp thời



hoạt động của Công ty, thực hiện tốt công tác đối chiếu công nợ và tích cực đơn đốc thu nợ (trung bình mỗi tháng thu được từ 15-20 tỷ đồng); thanh toán kịp thời tiền lương và các chế độ khác của người lao động; thực hiện báo cáo tài chính và các báo cáo khác đúng thời hạn; hàng tháng đã thực hiện được việc cân đối vật tư đưa vào sản xuất để xác định được ngay hiệu quả sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Về công tác quản lý kỹ thuật, Công ty đã cải tiến máy bọc cáp đồng E120 sản xuất được tất cả các loại cáp quang, đặc biệt là bọc được cáp quang có dung lượng đến 144 sợi, cáp quang ADSS khoảng vượt lớn và lắp đặt hoàn thiện hệ thống khuôn ốp băng thép sản xuất cáp quang chôn trực tiếp. Chế thử thành công sản phẩm mới như cáp ADSS khoảng vượt từ 300-500m và hoàn thiện công nghệ sản xuất cáp FTTx-GPON, chất lượng đạt yêu cầu, phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Công tác cải tiến công nghệ được chú trọng thực hiện, đã góp phần tăng năng suất lao động, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Hoạt động sản xuất của Công ty đã đạt được hiệu quả cao là do Công ty khai thác được các đơn hàng cáp sợi quang có số lượng sản xuất được 3 ca liên tục và tập trung về chủng loại sản phẩm. Thiết bị sản xuất ít xảy ra sự cố do được vận hành, kiểm tra xử lý liên tục và công tác bảo dưỡng được duy trì thường xuyên hơn, tỷ lệ phế phẩm trong sản xuất được cải thiện rõ rệt, tiêu hao vật tư cho sản xuất giảm đáng kể; chất lượng sản phẩm ổn định và đã nhận được sự hài lòng, độ tin cậy cao từ khách hàng.

Bên cạnh đó, việc động viên khích lệ tinh thần lao động của CBCNV, tiến hành bình xét thi đua chất lượng lao động và khen thưởng, tôn vinh lao động tiêu biểu nhằm động viên kịp thời, tinh thần trách nhiệm được nâng cao rõ rệt, đặc biệt đã





khích lệ được sự sáng tạo, năng động của đội ngũ CBCNV để cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, sản phẩm sai hỏng do lỗi chủ quan gần như không có.

Công ty đã thực hiện thành công mục tiêu hoạt động năm 2015, đó là: hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, Công ty đã có lãi sau 4 năm bị thua lỗ liên tục, tạo việc làm thường xuyên và đảm bảo đời sống của người lao động được nâng lên, lợi thế cạnh tranh và uy tín thương hiệu TELVINA của Công ty trên thị trường dây và cáp thông tin ngày càng được khẳng định.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong năm 2015, Công ty vẫn còn một số hạn chế và khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, như sau:

- Doanh thu từ sản phẩm dây và cáp thông tin sợi đồng của Công ty không tăng do nhu cầu gần như không có, trong khi thị trường cáp sợi quang có trên 10 doanh nghiệp cùng tham gia, do đó mà cạnh tranh về giá giữa các đơn vị cũng là rất lớn.
- Nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh hạn chế, nhiều khách hàng còn có nợ quá hạn nên vẫn có thời điểm Công ty gặp khó khăn về việc làm thủ tục nhập vật tư phục vụ sản xuất. Số nợ quá hạn đã lâu từ nhiều năm trước vẫn còn trên 11 tỷ đồng, trong đó: Công ty VTC nợ 450 triệu đồng, Công ty TFP nợ trên 7 tỷ đồng, Công ty thiết bị Viễn thông Hải Phòng nợ 134 triệu đồng, VT Phú Thọ nợ 114 triệu đồng, Công ty Song Hùng nợ gần 3,2 tỷ đồng, lý do là một số đơn vị trây ỳ, một số lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính, Công ty đã thực hiện khởi kiện dân sự với 02 trường hợp nợ nhiều, hiện tòa án dân sự đang thụ lý.

- Do Công ty thua lỗ liên tục trong giai đoạn 2010-2014 nên việc vay vốn Ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn do phải giải trình và thực hiện nhiều thủ tục liên quan.
- Việc ngắt điện đột xuất không được báo trước vẫn xảy ra nhiều, dẫn đến làm lẽ sản phẩm và tồn kho.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu                           | Năm 2014               | Năm 2015               | % tăng giảm<br>2015/2014 |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|
| <b>1. Tài sản ngắn hạn</b>         | <b>71.784.955.133</b>  | 95.925.520.376         | + 33,63                  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.724.840.737          | 13.667.073.032         | +266,92                  |
| Các khoản phải thu ngắn hạn        | 40.691.423.113         | 39.320.799.593         | -3,37                    |
| Hàng tồn kho                       | 26.411.429.259         | 41.072.412.811         | +55,5                    |
| Tài sản ngắn hạn khác              | 957.262.024            | 1.537.243.829          | +60,59                   |
| <b>2. Tài sản dài hạn</b>          | <b>42.280.134.320</b>  | <b>37.880.323.871</b>  | -10,41%                  |
| Tài sản cố định                    | 42.095.935.522         | 37.869.148.876         | -10,04                   |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | -                      | -                      |                          |
| Tài sản dài hạn khác               | 184.198.798            | 11.174.995             | -93,93                   |
| <b>Tổng tài sản</b>                | <b>114.065.089.453</b> | <b>133.805.844.247</b> | +17,31                   |

### b) Tình hình nợ phải trả





| Chỉ tiêu           | Năm 2014              | Năm 2015              | % tăng giảm<br>2015/2014 |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|
| Nợ ngắn hạn        | 41.807.765.251        | 60.285.013.904        | +44,2                    |
| Nợ dài hạn         | -                     | -                     |                          |
| <b>Nợ phải trả</b> | <b>41.807.765.251</b> | <b>60.285.013.904</b> | <b>+44,2</b>             |

Để có nguồn vốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng doanh thu, Công ty tăng nguồn vốn vay ngắn hạn, tuy nhiên vẫn đảm bảo mức cân đối vốn an toàn, mức độ đảm bảo vốn cố định ở mức 35,6 tỷ.

Công ty trích dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ một năm trở lên là do một số khách hàng trả chậm không thanh toán và cũng có một số khách hàng cũng lâm vào cảnh khó khăn về tài chính.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:** Trong năm 2015, Công ty đã thay đổi nhân sự chủ chốt trong Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị đã cùng Tổng Giám đốc tăng cường công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; quán triệt tinh thần và nghiêm túc thực hiện chính sách khen thưởng động viên, trách nhiệm vật chất trong chấp hành kỷ luật lao động; sử dụng các biện pháp tích cực kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất...

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Mục tiêu hoạt động năm 2016:

- + Tiếp tục tập trung phát triển sản phẩm cốt lõi là dây và cáp của Công ty.
- + Tạo thêm việc làm và đảm bảo thu nhập bình quân theo hướng tăng trưởng cho người lao động.





- ↳ Phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- ↳ Khẳng định thương hiệu TELVINA trên thị trường trong và ngoài nước.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

| TT | Chỉ tiêu  | Kế hoạch<br>2015 | Thực hiện<br>2015 | Kế hoạch<br>2016 | SS KH<br>2016/TH<br>2015 (%) |
|----|---|------------------|-------------------|------------------|------------------------------|
| 1  | Giá trị tổng sản lượng (không có thuế GTGT) (tr đồng) | 86.000           | 162.791           | 150.000          | =92,14%                      |
| 2  | Tổng doanh thu (chưa có thuế) (tr đồng)               | 88.050           | 176.168           | 165.292          | =93,8%                       |
| 3  | Nộp ngân sách NN (tr đồng)                            | 8.632            | 11.974            | 15.500           | =129,4%                      |
| 4  | Lợi nhuận trước thuế (tr đồng)                        | 500              | 1.263             | 1.380            | =109,2%                      |
| 5  | Lợi nhuận sau thuế (tr đồng)                          | 390              | 1.263             | 1.380            | =109,2%                      |
| 6  | Thu nhập bình quân của người lao động/tháng (tr đồng) | 5,0              | 8,5               | 8,8              | =103,5%                      |

- Kế hoạch phát triển thị trường kinh doanh, dịch vụ:

- ↳ Thực hiện tiếp các phần công việc thuộc các gói thầu tập trung của VNPT; đẩy mạnh phát triển thị trường cáp sợi quang, cáp sợi đồng như: dây thuê bao đồng, cáp thông tin sợi đồng với các khách hàng là Viễn thông các tỉnh/thành phố, đơn vị khác trực thuộc Tập đoàn và các khách hàng lẻ truyền thống.

- ✦ Phát triển thị trường sản xuất kinh doanh qua các hợp đồng với đơn vị ngoài Ngành đối với các sản phẩm liên quan đến cáp sợi đồng như: cáp truyền thanh, truyền hình, cáp tín hiệu hầm lò; tham gia đấu thầu các dự án của các đơn vị như Công ty Viễn thông FPT, các đơn vị truyền hình cáp như (SCTV, VTV Cab) và các nhu cầu cáp sợi quang của Tập đoàn EVN.
- ✦ Thâm nhập khai thác như thị trường Lào, Myanmar và Cuba.
- Kế hoạch phát triển kỹ thuật và sản phẩm.
  - ✦ Công ty phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai sản xuất cáp quang bọc chặt đáp ứng nhu cầu thị trường.
  - ✦ Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến thiết bị hiện có để sản xuất cáp quang chống cháy sử dụng trong mỏ, hầm lò, cáp quang treo trên đường dây điện lực (ADSS) khoảng vượt lớn (600m và 700m), hoàn thiện công nghệ cáp quang truy nhập dung lượng lớn 216 sợi và cáp điện hạ thế.
  - ✦ Nghiên cứu công nghệ và tiêu chuẩn kỹ thuật sản phẩm cáp sợi đồng và sợi quang theo nhu cầu của thị trường nước ngoài.
- Biện pháp thực hiện
  - ✦ Quán triệt thực hiện phương châm hoạt động của Công ty trong năm 2016 “KỶ LUẬT - SÁNG TẠO - CHUYÊN NGHIỆP - HIỆU QUẢ”.
  - ✦ Tiếp tục duy trì ổn định và phát triển sản xuất các sản phẩm truyền thống, các sản phẩm đang còn thị trường.
  - ✦ Đẩy mạnh các giải pháp phát triển thương hiệu, nâng cao uy tín sản phẩm kết hợp các biện pháp và công tác tổ chức nhằm tăng cường hiện



diện thương mại của Công ty tại các thị trường trọng điểm trong và ngoài nước.

- ↳ Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Công ty đảm bảo hiệu quả cao.
- ↳ Thực hiện kế hoạch mở rộng hoạt động và tăng thêm giá trị doanh nghiệp theo định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị.
- ↳ Thực hiện từng bước có hiệu quả theo lộ trình phát triển Công ty giai đoạn 2015-2019.

**5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường và xã hội của Công ty.**

*a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:*

- Đẩy mạnh hoạt động tiết kiệm nguồn tài nguyên, năng lượng.
- Sử dụng các thiết bị có hiệu suất thấp bằng các thiết bị có dán nhãn tiết kiệm năng lượng.
- Tăng cường thu hồi tài nguyên nước có thể tái sử dụng.
- Thực hiện các hoạt động thuộc hệ thống an toàn sức khỏe môi trường phù hợp theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành.

*b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

- Đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến toàn thể cán bộ, công nhân viên công ty, xây dựng ý thức thực hiện thường xuyên sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

- Thực hiện đầy đủ 100% và phù hợp các yêu cầu pháp luật của Nhà Nước quy định.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Trong năm qua, tập thể Lãnh đạo Công ty đã đặt mục tiêu trọng tâm là phấn đấu thực hiện hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua, Hội đồng quản trị đã cùng Tổng Giám đốc tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 và các nghị quyết của HĐQT bằng các giải pháp trọng tâm, đồng bộ, thực hiện mục tiêu đẩy mạnh công tác bán hàng, khai thác các đơn hàng có giá trị lớn để nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, tăng cường công tác quản lý, siết chặt kỷ luật lao động và nâng cao đời sống cho người lao động, kết quả đạt được là giá trị tổng sản lượng, tổng doanh thu và tổng lợi nhuận trước thuế vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm 2015, đặc biệt Công ty đã có lãi sau 4 năm bị thua lỗ liên tục, cụ thể:
  - + Chỉ tiêu Tổng sản lượng (không có thuế GTGT) đạt: 162,7 tỷ = 189,3% kế hoạch năm 2015, tăng gấp 2 lần so với thực hiện năm 2014.
  - + Chỉ tiêu Tổng doanh thu năm 2015 đạt: 176,1 tỷ đồng = 200,2% kế hoạch năm 2015, tăng gấp 2,17 lần so với thực hiện năm 2014.
  - + Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt: 1,26 tỷ đồng = 250% kế hoạch năm 2015, Công ty đã có lãi sau 4 năm thua lỗ liên tục.





## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Trong năm 2015, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, chỉ đạo trực tiếp Tổng Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra thông qua các hoạt động kiểm tra, kiểm soát và các báo cáo về tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý của Tổng Giám đốc.
- Hội đồng quản trị cùng Tổng Giám đốc tiến hành các buổi họp chung nhằm đánh giá, nhận xét tình hình kinh doanh của Công ty qua từng giai đoạn, triển khai đồng bộ các giải pháp: đẩy mạnh công tác giới thiệu sản phẩm; đa dạng các kênh phân phối để đẩy mạnh công tác bán hàng như bên cạnh việc tham dự đấu thầu tập trung các gói thầu của VNPT, duy trì khách hàng truyền thống, thì việc đẩy mạnh phát triển khách hàng ngoài ngành cũng là trọng tâm; đồng thời nâng cao năng lực sản xuất để thực hiện các đơn hàng lớn; thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí, hạn chế phế phẩm trong quá trình sản xuất; thực hiện các giải pháp khuyến khích động viên tinh thần hăng say lao động và nâng cao năng lực sản xuất; áp dụng các phương thức thanh toán công nợ phải thu nhằm tối ưu hiệu quả nguồn vốn sử dụng, quản lý chặt công nợ và quyết liệt thu nợ của các khách hàng... Đồng thời tiến hành kiểm điểm hoạt động của Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc thông qua hình thức trao đổi, thảo luận tại các buổi họp định kỳ và đột xuất.
- Trong năm 2015, Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện có hiệu quả các biện pháp tháo gỡ khó khăn, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

#### *Mục tiêu:*

- ✦ Kế hoạch tổng sản lượng (chưa có thuế) là: 150,0 tỷ đồng, bằng 92,14% so với thực hiện năm 2015.
- ✦ Kế hoạch tổng doanh thu thuần là: 165,29 tỷ đồng, bằng 93,8% so với thực hiện năm 2015.
- ✦ Kế hoạch lợi nhuận trước thuế: 1,38 tỷ đồng, tăng 9,2% so với thực hiện năm 2015.

#### *Định hướng hoạt động:*

- ✦ Tiếp tục chỉ đạo nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✦ Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- ✦ Xây dựng và thực hiện kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





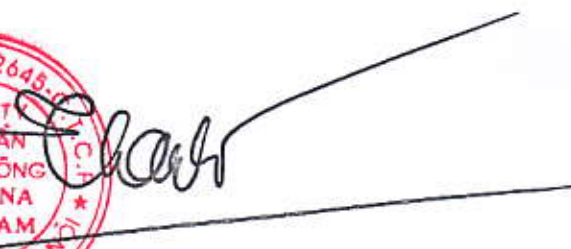
Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị, tập trung chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đưa ra các giải pháp trọng tâm phù hợp và linh hoạt hơn trong từng giai đoạn và từng thời điểm, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn của Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: (có đính kèm Báo cáo này).
2. Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán: (có đính kèm Báo cáo này).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



  
Tô Chí Thành

T.C.P.